

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hóa
Bà Trần Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 983/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: số 8C, dốc N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông **Lê Đức T**, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: số 7, ngách 1064/24 đường N, tổ 27, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: bà H có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Bà và ông Lê Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/02/1986 tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 8C dốc N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội là nhà bố mẹ đẻ của bà. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; từ tháng 10/2007 đến nay bà vẫn ở tại địa chỉ trên, còn ông T chuyển về ở tại địa chỉ tổ 27, phường T, quận H, Hà Nội là nhà riêng của ông T sống cùng mẹ đẻ của ông T là bà Nguyễn Thị X, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 đến nay, ông T không đi lại, quan tâm gì đến bà, gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của ông bà, có khuyên giải nhưng không đạt kết quả gì. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/1986 và Trương Đình H, sinh ngày 16/9/1994 (cháu Trương Đình H đã được thay đổi họ và tên từ Lê L thành Trương Đình H theo Quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc trong giấy khai sinh số 5881/QĐ/UB ngày 03/10/2003 của UBND thành phố Hà Nội). Hiện cháu H và cháu H đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà, đất ở chung: Bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lê Đức T để đương sự được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không có lời khai.

* Theo Biên bản xác minh ngày 04/01/2019, tổ trưởng tổ dân phố số 27 phường T, quận H cung cấp cho Tòa án: Tại số 7, ngách 1064/24 đường N, tổ 27, phường T, quận H, Hà Nội hiện tại chỉ có ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ của ông T ở. Ông T mua đất làm nhà tại địa chỉ trên khoảng năm 2007 - 2008. Trước đó ông T sinh sống cùng bà H trên nhà bố mẹ đẻ của bà H ở N, quận B, Hà Nội. Khi ông T chuyển về đây làm nhà và sinh sống thì chỉ có một mình ông T và có con cái qua lại, còn không thấy bà H về sinh sống hay qua

lại. Mỗi người một cuộc sống, không còn sự chia sẻ và sống ly thân. Về con chung thì ông T có 2 con hiện đã trưởng thành. Đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày: mâu thuẫn giữa bà và ông T đã kéo dài, không thể hàn gắn được nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông T. Về con chung: bà và ông T có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/1986 và Trương Đình H, sinh ngày 16/9/1994, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có lời khai.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn ông T. Về con chung: có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/1986 và Trương Đình H, sinh ngày 16/9/1994, hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị H có đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018 về việc xin ly hôn ông Lê Đức T. Ông T cư trú tại: số 7, ngách 1064/24 đường N, tổ 27, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn là bà Trương Thị H và bị đơn là ông Lê Đức T là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn là ông Lê Đức T đã được Tòa án tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu ông T đến Tòa án thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Xét tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được tổng đạt, thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Lê Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/02/1986 tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Thập, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại số 8C dốc N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội là nhà bố mẹ đẻ của bà H.

Theo bà H trình bày thì vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; từ tháng 10/2007 đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, ông T không đi lại, quan tâm gì đến bà, gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của ông bà, có khuyên giải nhưng không đạt kết quả gì. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau ...*”. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay, mỗi người ở mỗi nơi, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có căn cứ khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn ông T.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà H và các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng bà H và ông T có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/1986 và Trương Đình H, sinh ngày 16/9/1994 (anh Trương Đình H đã được thay đổi họ và tên từ Lê L thành Trương Đình H theo Quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc trong giấy khai sinh số 5881QĐ/UB ngày 03/10/2003 của UBND thành phố Hà Nội). Các con chung đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có lời khai về phần này. Do vậy Tòa án không xem xét và giành quyền khởi kiện cho ông T bằng một vụ án khác nếu ông T có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị H đối với ông Lê Đức T.

Bà Trương Thị H được ly hôn ông Lê Đức T.

2. Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Lê Đức T có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/1986 và Trương Đình H, sinh ngày 16/9/1994 (anh Trương Đình H đã được thay đổi họ và tên từ Lê L thành Trương Đình H theo Quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc trong giấy khai sinh số 5881/QĐ/UB ngày 03/10/2003 của UBND thành phố Hà Nội). Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Bà Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có lời khai; do vậy Tòa án không xem xét và giành quyền khởi kiện cho ông T bằng một vụ án khác nếu ông T có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai

thu số 0004470 ngày 06/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Bà Trương Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Diên Thấp, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An (CNKH số 14/KH ngày 21/02/1986);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh